

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THANG DI

Last

Middle

First

Current Address: 154A VS TH SẤU TP HO CHI MINH VN
942 Douglas Ave Fountain Valley Ca 92708

Date of Birth: 7/12/35 Place of Birth: THUA THIEN

Previous Occupation (before 1975) Major / USAF RVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 1981

Years: 6 Months: 11 Days: 17

3. SPONSOR'S NAME: VO NGOC THIEN AN

Name

00 Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Đi THĂNG NGUYỄN
(Listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1	NGUYỄN THĂNG QUỲNH TRANG	11/6/1974	Cm
2	NGUYỄN THU HƯƠNG	18/9/1982	Cm
	NGUYỄN THỊ NGÂN (chị)	1938	Vợ

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Xin chử Thi,
(11 ký gữ ODP xin ID K Leri cho
(Thi) Ng~Th~
(Gửi 11 th~ 17 th~)
huy t~p.

Sin ODP



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

DATE: March 15, 1990

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Re: NGUYỄN THẮNG DI
Date of Birth: December 7, 1935
(IV #): Need: IV# and LOI
Length of Time in Re-education Camp 7 years

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by Rev. VO NGOC THIEN AN as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.

BỘ NỘI VỤ
Trại Vĩnh Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số 267 GRT

0016.77 ; 0135 2

675

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 95 ngày 30 tháng 3 năm 81 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Văn Di

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 7 tháng 12 năm 1935

Nơi sinh: An ninh không hương trả, Thừa thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 21 An ninh xã đã lạc

Cao độ học: Tiểu học

Bị bắt ngày 14/6/71 An phạt

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị täng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 154A Võ thị Sáu, thành phố Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Đã xác định được tội lỗi, yên tâm cải tạo

4 tin tưởng vào đường lối giáo dục của đảng

Nội quy: chấp hành đủ, chưa có gì sai phạm lớn

Đạo đức: thanh gia đôn

Đạo đức: Đm theo ngày công và sức khỏe

xếp loại cải tạo: trung bình

Lên tay người trả phí
cc. Nguyễn Văn Di
Đánh dấu 3634
Lý tại: Quân chấp

Họ, tên, chức vụ
người được cấp giấy

Ngày 4 tháng 5 năm 1981

Giám thị

Nguyễn Văn Di

thời hạn: 1/2 năm các

Xã hội Nguyễn Trường Di
đầu tiên. diện cơ quan

ngày 12/5/81

m. công 20/5/83



Nguyễn Duy Đức

Căn cứ quyết định về Nguyễn Trường Di năm 1981

của Bộ Nội vụ cho Nguyễn Trường Di

ở cư trú tại An ninh - Phòng - Hoàng - tra - Binh - tại - Liên

D/S phải chấp hành nghiêm chỉnh theo quyết định

về B.T.T trình đi và cư trú.

TP. Hồ Chí Minh ngày 20/5/1981



BAN QUẢN LÝ

PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Quốc Cường



Mỹ. Ng. Thắng Di
SR. 55/109753.
7/12/1935.

Ng. Thắng Quynh
Trang
12-6-1974

NG. THU HƯƠNG
11/9/1982

ỦY-BAN VAN-DONG TRA TU-DO CHO MUC-SU, TRUYEN-DAO VA TIN-HUU TIN-LANH TẠI VIỆT-NAM
MAU DON HOI GIA-DINH TU-NHAN CHIHI TU VIET-NAM

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN THẮNG NGUYỄN ^{Di}
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 12 7 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Độc thân): _____ Married (Có lập gia đình): ✓
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : 154 A Võ THỊ SÁU T.P Hồ Chí Minh
(Địa chỉ tại Việt-Nam)
RELIGIOUS OR
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) ✓ No (Không) _____
If Yes (Nếu có): From (Tu): 1975 To (Đến): 1981
PLACE OF RE-EDUCATION: Miền Bắc Việt-nam
CAMP (Trại tù)
PROFESSION (Nghề nghiệp): THIẾU TÁ QUÂN ĐỘI NAM VIỆT NAM
EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ): _____
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): _____
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): THIẾU TÁ
Date (năm): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): ✓
IV Number (Số hồ sơ): _____
No (Không): ///
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 2
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 154 A Võ THỊ SÁU
T.P Hồ Chí Minh
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):
Re: Võ NGOC THIEN AN
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (Có): ✓ No (Không): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): bạn
NAME & SIGNATURE: THIEN AN N. VO Thiên An n. Vo
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người điền đơn này)
DATE: May 15 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Đi THĂNG NGUYỄN
(Listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1	NGUYỄN THĂNG QUỲNH TRANG	11/6/1974	Con
2	NGUYỄN THU HƯƠNG	18/9/1982	Con
	NGUYỄN THỊ NGÂN (chết)	1938	Vợ

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2-P3

Họ và tên: Hải Châu 2
Thị xã, Quận: Đà Nẵng
Thành phố, Tỉnh: Đà Nẵng

BẢN SAO

Số: 334
Quyển số:

GIẤY KHAI SINH

HỌ VÀ TÊN	Nguyễn Thành Quốc Trang		Nam, nữ
Sinh ngày, tháng, năm	Mười hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy bốn (12-6-1974)		
Nơi sinh	Hải Châu 2, Đà Nẵng		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ và tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Thành Di 1935	Nguyễn Thị Ngân 1938	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam	
Nghề nghiệp	Làm nông và long an	Buôn bán và tiểu thủ công nghiệp	
Nơi ĐĂNG KÝ thường trú	Thị xã, Quận	Thị xã, Quận	
Họ và tên, tuổi	Nguyễn Thị Ngân 1938, 50 Trưng		
Nơi ĐĂNG KÝ thường trú	Xã Hòa Xuân, Quận Đà Nẵng, CMND 05 200.2818		
Số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai.	Cấp ngày 28-4-78 tại Đà Nẵng		

NIỆN THỰC Y SAO BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 2 năm 1974
Đã được Đã được
(Ký tên, đóng dấu)

Đã ký, ngày 17 tháng 6 năm 1974
TM, UBND
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Signature)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã HT2-P3

Hà Tĩnh Hải Châu 2
Thị xã, Quận
Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng

BẢN SAO

Số 215
Quyển số

GIẤY KHAI SINH

HỌ VÀ TÊN	Nguyễn Thu Hường		Nam, nữ
Siêu ngày, tháng, năm	Mười tám tháng chín năm một ngàn chín trăm tám mươi hai (18-9-1982)		
Nơi sinh	Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ và tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Thành Di 1935	Nguyễn Thị Ngân 1938	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	Kinh Việt nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Lâm mục Long an Long Thành Đồng Nai	Đoàn Đại Sĩ Trầm Huế Thừa Thiên Huế	
Họ và tên, tuổi Nơi ĐKKK thường trú số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai.	Nguyễn Thị Ngân 1938, Sĩ Trầm nữ 1938, ĐKKK ở 2000 81889 cấp ngày 28-4-88 tại Đà Nẵng		

NIÊN THỰC Y SÁO BÀN CHÍNH
Ngày 30 tháng 2 năm 1982
T.M. UBND TH
(Ký tên, đóng dấu)

Đã ký, ngày 12 tháng 10 năm 1982
T.M. UBND
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Signature)

Xã, phường: Hải Châu I
Thị xã, quận: Đà Nẵng
Thành phố, tỉnh: QN-ĐN

Độc quyền
BẢN SAO
GIẤY CHỨNG TỬ

Số: 185
Quyển số: 1

Họ và tên Nam hay nữ	Nguyễn Thị Ngân Nữ
Sinh ngày tháng năm	1938
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam
Nơi ĐKKK thường trú:	54 Triệu Nữ Vương - Đà Nẵng
Ngày tháng năm chết Nơi chết	31. 3. 1985 54 Triệu Nữ Vương - Đà Nẵng
Nguyên nhân chết	Bị bệnh
Họ tên tuổi người báo tử Nơi ĐKKK thường trú Số giấy CM giấy CNCC Quan hệ với người chết	Nguyễn Thị Thái 54 Triệu Nữ Vương - Đà Nẵng Em.

Đã ký ngày tháng năm
TM/UBND:

Nhận thực sao y bản chính
Đà Nẵng, ngày 01, tháng 04 năm 85
TM/UBND: Phường Hải Châu I

KT CHỦ TỊCH
LƯU VĂN CH

THỊ KIM TỰ Đ

gấp
01/4/85

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV #

Date: Ngày: Feb. 14th 1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name: NGUYỄN THANG DI Sex: Male
Họ, tên: NGUYỄN THANG DI Giới tính: Nam
2. Other Names: NONE
Họ, tên khác: NONE
3. Date/Place of Birth: 7-12-1935 Anninhthuong-thuongta-thuatthue
Ngày/Nơi Sinh: 7-12-1935 Anninhthuong-thuongta-thuatthue
4. Residence Address:
Địa-chỉ thường-trú:
5. Mailing Address: 54 Trieu nu Yuong Dawong VN
Địa-chỉ thư-từ: 54 Trieu nu Yuong Dawong VN
6. Current Occupation: NONE
Nghề-nghiệp hiện tại: NONE
7. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Ng. Thang Di	12-6-1974	Đanang	girl		Daughter
2. Ng. Thi Hien	18-9-1982	Đanang	girl		Daughter
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
1.					
2.					

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn-cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

: DƯƠNG CHÁNH

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: Nephew

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

:

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: NGUYỄN CHÁNH THẢO (Death)

2. Mother

Mẹ

: CÔNG NỮ THỊ THIÊN

3. Spouse

Vợ/Chồng

: NGUYỄN THỊ NGÂN (Death)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1) NGUYỄN CHÁNH QUỲNH TRANG

(2) NGUYỄN THỊ HƯỜNG

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) NGUYỄN THẮNG NGHĨ

(2) NGUYỄN THỊ GIỚI

(3) NGUYỄN THỊ TÌNH

(4) NGUYỄN THẮNG HOÀI

(5) NGUYỄN THỊ ĐÀO

(6)

(7)

(8)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

None

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

1. Mr KIRK PATRICK US EMB/SLU
2. Mr R. ADAM'S DAO/TECREPT.
3. Col HAMMER CO. SOG RRG

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

Radio Research (Saber Tooth School)

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No X.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có Không None.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No None)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không None)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: Nguyễn Thành Di

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

14/6/75

To:

Tới:

1/5/81

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

4/2/1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy Ra Trại - 3 giấy Khai Sinh - 1 Giấy Khai Tử - 3 Ảnh 4x6

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NGUYỄN THỊ NGÂN (DEATH)

Position title
Chức-vụ : Secretary

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : PK EXCHANGE DANANG

Length of Employment
Thời-gian làm-việc From: 1966 To: 1974
Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời-gian làm việc From: _____ To: _____
Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do-nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____
Từ Tới

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN THANG DI

2. Dates: , , , From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ Tới 6/1960 4/1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJOR Serial Number: 55/109753
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đồn-Vị Binh-Chung : SSTB J7/JOINT GENERAL STAFF
Special Security Technical Branch

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan : GENERAL PHAM THỦY NHƠN

Chứng thư thay giấy khai - sinh

Bên họ địa con nit :

Brai hay gái :

Sinh tại chỗ nào :

Sinh ngày nào :

Bên họ người cha :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người mẹ :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Vợ chánh hay vợ thứ :

Bên họ người khai :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người khai :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nguyễn - Thang - Sĩ :

Sinh tại An - chính - thường :

Sinh ngày 7 tháng 12 năm 1935 :

Nguyễn - Thang - Sĩ :

Abây 55 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người khai :

Abây 55 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây 42 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây 55 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Nguyễn - Thang - Sĩ :

Sinh tại An - chính - thường :

Sinh ngày 7 tháng 12 năm 1935 :

Nguyễn - Thang - Sĩ :

Abây 55 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người khai :

Abây 55 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây 42 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây 55 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ nhất :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ hai :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Bên họ người làm chứng thứ ba :

Abây 40 tuổi :

Làm nghề nghiệp gì :

Nhà của ở đâu :

Chứng thư thay giấy khai - sinh
của ông Nguyễn - Thang - Sĩ
sinh tại An - chính - thường
sinh ngày 7 tháng 12 năm 1935
được chứng thực tại
Huyện - trưởng Nguyễn - Thang - Sĩ
ngày 27 - 3 - 1948



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DI THANG NGUYEN
Last Middle First

Current Address: 9113 Safford Ave Fountain valley CA 92708

Date of Birth: 7/12/35 Place of Birth: THUA THIEN

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 1981
Years: 6 Months: 11 Days: 17

3. SPONSOR'S NAME: VO NGOC THIEN AN
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

ỦY-BAN VAN-DONG TRA TU-DO CHO MUC-SU, TRUYEN-DAO VA TIN-HUU TIN-LANH TAI VIET-NAM
MAU DON HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH TAI VIET-NAM

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : DI THANG NGUYEN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 12 7 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Dộc thân): _____ Married (Có lập gia đình): X
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : 154A VÕ THỊ SÁU T.P. HỒ CHÍ MINH
(Địa chỉ tại Việt-Nam)
RELIGIOUS OR
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) X No (Không) _____
If Yes (Nếu có): From (Từ): 1975 To (Đến): 1981
PLACE OF RE-EDUCATION: Miền Bắc VIỆT NAM
CAMP (Trại tù)
PROFESSION (Nghề nghiệp): THIẾU TÁ QUÂN ĐỘI NAM VIỆT NAM
EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ): _____
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): _____
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): THIẾU TÁ
Date (năm): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): X
IV Number (Số hồ sơ): _____
No (Không): X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 2
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 154A VÕ THỊ SÁU
T.P. HỒ CHÍ MINH
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ):
Bà VO NGOC THIEN AN
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (có): X No (Không): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): ban
NAME & SIGNATURE: THIEN AN M. VO Thiên An, Vo
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người điền đơn này) _____
DATE: Mar 15 1990
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : DI THẮNG NGUYỄN
(Listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1	NGUYỄN THẮNG QUỲNH TRANG	11/6/1974	Con
2	NGUYỄN THU HUONG	18/9/1982	Con -
	NGUYEN THI NGAN (CHET)	1938	VO

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

None

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

1. Mr KIRK PATRICK US EMB/SLU
2. Mr R. ADAM'S DAO/TECREPT.
3. Col HAMMER CO. SOG RRG

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Việt-Nam

Radio Research (Sabertooth Sch)

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng sự có không? Có Không None.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vd/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No No

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không Không

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vò/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Nguyễn Thành Di

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

14/6/75

To:

Tới:

1/5/81

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

NO

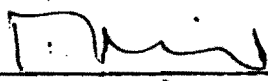
*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:



Date

Ngày:

4/2/1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy Ra Trại - 3 giấy Khai Sinh - 1 Giấy Khai Tử - 3 Ảnh 4x6

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NGUYỄN THỊ NGÂN (DEATH)
- Position title
Chức-vụ : Secretary
- Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : PX EXCHANGE DANANG
- Length of Employment
Thời-gian làm-việc From: 1966 To: 1974
Từ Đến
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment
Thời-gian làm việc From: _____ To: _____
Từ Đến
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____
Từ Đến
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN THĂNG DI
2. Dates: , , , From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Đến 6/1960 4/1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : MAJOR Serial Number: 55/109753
Số thẻ nhân-viên:
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung : SSTB J7/JOINT GENERAL STAFF
SPECIAL SECURITY TECHNICAL BRANCH
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan : GENERAL PHAM THUU NHON

ODP IV

Date: Feb. 14th 1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN THANG DI Sex: Male
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 7-12-1935 Anninhthuong-thuongta-thuat
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : _____
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 54 Truoc nuoc Vuong Damang VN.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : NONE

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đ
1. <u>Ng Thi Dung Hoa</u>	<u>12-6-1974</u>	<u>Damang</u>	<u>girl</u>		<u>Daughter</u>
2. <u>Ng Thi Hien</u>	<u>18-9-1982</u>	<u>Damang</u>	<u>girl</u>		<u>Daughter</u>
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn-cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không cần ghi địa-chỉ.

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: DƯƠNG CHANH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Nephew

c. Address
Địa-chỉ

: 7640 S. ODELL AVE
DAIRYVIEW

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

: IL 60455
USA

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

:

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: NGUYỄN CHÁNH THẢO (Death)

2. Mother
Mẹ

: CÔNG NỮ THỊ THIÊM

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: NGUYỄN THỊ NGÂN (Death)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) NGUYỄN CHÁNH QUỲNH TRANG
(2) NGUYỄN THỊ HƯỜNG
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

6. Siblings
Anh chị em:

(1) NGUYỄN THẮNG NGHĨ
(2) NGUYỄN THỊ GIẢI
(3) NGUYỄN THỊ TÌNH
(4) NGUYỄN THẮNG THỜI
(5) NGUYỄN THỊ ĐÀ
(6) _____
(7) _____
(8) _____

Chứng thư thay giấy khai sinh

Bên họ đưa con út :
 Trai hay gái :
 Sinh tại chỗ nào :
 Sinh ngày nào :
 Bên họ người cha :
 Làm nghề nghiệp gì :
 ở đâu của ở đâu :
 Bên họ người mẹ :
 Làm nghề nghiệp gì :
 ở đâu của ở đâu :
 Vợ chồng hay vợ út :
 Bên họ người ở khai :

Abbay - tuổ:
lần nghề nghiệp gì?
Nhà của ở đâu:
bên họ người làm chứng thứ nhất
Abbay - tuổ:
lần nghề nghiệp gì?
Nhà của ở đâu:
bên họ người làm chứng thứ hai
Abbay - tuổ:
lần nghề nghiệp gì?
Nhà của ở đâu:
bên họ người làm chứng thứ ba:
Abbay - tuổ:
lần nghề nghiệp gì?
Nhà của ở đâu:

Lưu tại An - Hòa : ngày 27 - 3 - 1948.
bên họ người khác : Nguyễn - Hùng - Báo : ký trưởng làng. Ông - Vĩnh - Thuận

Người bạn chúng tôi nhất:

Ngôi làng, chúng tôi hai:

Người làm chứng như là :
Lê - trình

Nguyễn - Thằng - Gi.
Trái

Sinh tại An - ninh - Hưng.
Sinh ngày 7 tháng 12 năm 1935.
Nguyên - hương - báo.

Đ' Ông - kính - nhường
Công tôn nữ vị, thiên
Đ' Bướn loan
Đ' Ông - kính - nhường

03. chánh :
nguyên-thang-báo
55 tuổi

Đ': An - ninh - thịnh
Hòa - Bình

42 - một
Bùn lùn
An - Vĩnh - Thuận

55 by
đam nông
Am 16/8 78 22

Lê - Vĩnh
40
Lâm - Hùng

On - kinh rưỡi
a: ngày 27 - 3 -
tức tháng 10 - 1960

Thân thiết chúc lễ gia đình của
đồng chí trưởng Đảng An - thành - trường
Huỳnh: Huỳnh Tra - mới - bình - lịch
Huỳnh tra: ngày 8-3-1948.
Huỳnh trưởng Huynh - Hoàng - tra

Thuyên trưởng Thuyên Hùng trà

BỘ NỘI VỤ
TRẠI VĨNH QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLT/C, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số 267-GRT

0016 77 : 0135 2

675

13. GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 95 ngày 30 tháng 3 năm 81

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Văn Di

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 7 tháng 12 năm 1935

Nơi sinh: An Ninh Thượng, hương Trà, Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt: 21 An Ninh Thượng đã lạc

Cấp độ học: Tiểu học

Bị bắt ngày 14/6/72 An phát

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tòng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 154A Võ Thị Sáu, thành phố Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Đã xác định được tội lỗi, yên tâm cải tạo

Ái tình: Vào đường lối giáo dục của đảng

Nội quy: chấp hành đủ, chưa có gì sai phạm lớn

Đặc biệt: theo dõi gần

Đạo đức: Dân tộc, cách mạng và hòa bình

xếp loại cải tạo: trung bình

Kính ủy quyền trao phát
ca. Nguyễn Văn Di
Danh bản số 2634
Lập tại quán cấp



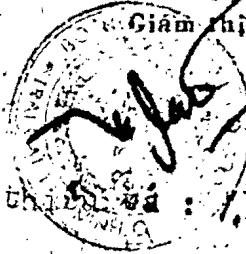
Họ, tên, chức vụ
người được cấp giấy

Nguyễn Văn Di

Nguyễn Văn Di

Ngày 1 tháng 5 năm 1981

Giám thị



Thị trấn: / Nguyễn Văn Di

Xã hội Nguyễn Trường Di
đến tận diện cơ quan

ngày 12/5/81

TU. CÔNG AN 1/P.03



Nguyễn Duy Kh

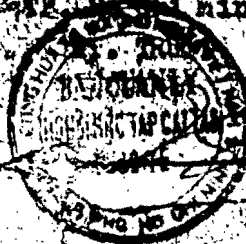
Căn cứ quyết định số 2/KT-TP tháng 3 năm 1981

của Bộ Nội Vụ cho Nguyễn Trường Di

ở cư trú tại An ninh Trưng Trắc Bính tại Liên

D/S phải chấp hành nghiêm chỉnh theo quyết định

Về B.T.T trình duyệt và cư trú.



ngày 20/5/1981

BAN QUẢN LÝ

PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Quốc Cường

**BẢN SAO
GIẤY CHỨNG TỬ**

Số: 185
Quyển số: 1

Họ và tên Nam hay nữ	Nguyễn Thị Ngân Nữ
Sinh ngày tháng năm	1938
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam
Nơi ĐKKK thường trú:	54 Triệu Nữ Vương - Đà Nẵng
Ngày tháng năm chết Nơi chết	31. 3. 1985 54 Triệu Nữ Vương - Đà Nẵng
Nguyên nhân chết	Bị bệnh
Họ tên tuổi người báo tử: Nơi ĐKKK thường trú: Số giấy CM giấy CNCC: Quan hệ với người chết:	Nguyễn Thị Thu' 54 Triệu Nữ Vương - Đà Nẵng Em.

Đã ký ngày tháng năm
TM/UBND:

Nhận thực sao y bản chính
Đà Nẵng, ngày 01, tháng 04, năm 85
TM/UBND: Phường Hải Châu 2

CHỦ TỊCH
THỦ
LƯU BACH
THỊ KIM TUYÊN

gq long
01/4/85

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MZA HT2-P3

Tên, họ, họ tên: Hải Châu 2

Thị xã, Quận: _____

Thành phố, Tỉnh: Đà Nẵng

BẢN SAO

Số: 215

Quyển số: _____

GIẤY KHAI SINH

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ VÀ TÊN	<u>Nguyễn Thu Hương</u>		Nam, nữ	<u>Nữ</u>
Ngày, tháng, năm	<u>Nếu tám tháng chín năm một ngàn chín trăm tám mươi hai (18-9-1982)</u>			
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Đa Khoa Đà Nẵng</u>			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ		
Họ và tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Thành Di</u> <u>1935</u>	<u>Nguyễn Thị Ngân</u> <u>1938</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Lâm mục Long An</u>	<u>Đoàn Bài Sĩ Trầm</u>		
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Long Thành Đồng Nai</u>	<u>Nhà Xưởng Đà Nẵng</u>		
Họ và tên, tuổi	<u>Nguyễn Thị Ngân 1938, Sĩ Trầm nhà ở Đà Nẵng</u>			
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Đà Nẵng, CHND 2000 81889 cấp ngày 28-4-88 tại Đà Nẵng</u>			
Số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai.				

NIÊN THỰC Y SAO BÀN CHÍNH

Ngày 32 tháng 2 năm 1982

Tên, họ: T. H. O.

(Ký tên, đóng dấu)

Đã ký, ngày 12 tháng 10 năm 1982

T.M, UBND

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Signature)
THỦ KÝ
THỦ LƯU

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2-P3

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên, họ trên Hải Châu 2

Thị xã, Quận Đà Nẵng

Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng

BẢN SẠO

Số 334

Quyển số

GIẤY KHAI SINH

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HO VÀ TÊN
Sinh ngày, tháng, năm
Nơi sinh
KHAI VỀ CHA MẸ
Họ và tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)
Dân tộc Quốc tịch
Nghề nghiệp Nơi ĐĂNG KƯỞNG TRỞ LẠI
Họ và tên, tuổi Nơi ĐĂNG KƯỞNG TRỞ LẠI Số giấy chứng minh hoặc CMND của người đứng khai.

Nguyễn Thành Quýnh Trang Nam, nữ	
Miêu tả: Hai thân thể đẹp, nam, một năm chín trăm bảy bốn (11-6-1974)	
Hải Châu 2, Đà Nẵng	
CHA	MẸ
Nguyễn Thành Di 1935	Nguyễn Thị Ngân 1938
Kinh Việt nam	Kinh Việt nam
Làm nông và long an Thanh, Đà Nẵng	Buôn bán và trồng ruộng, Đà Nẵng
Nguyễn Thị Ngân 1938, 50 Triệu từ trước, Đà Nẵng, CMND 05 2002818 cấp ngày 28-4-78 tại Đà Nẵng	

NIÊN THỰC Y SẠO BÀN CHÍNH
 Ngày 30 tháng 7 năm 1974
Đà Nẵng Đà Nẵng
 (Ký tên, đóng dấu)

Đã ký, ngày 17 tháng 6 năm 1974
 TM, UBND
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Signature)
 NGUYỄN THỊ LAM

HỘI THÁNH TIN LÀNH THANH LỄ

Vietnamese Baptist Church

14200 Golden West St. Westminster, CA 92683

Phone: (714) 892-7835/841-8762

Mục Sư Quản Nhiệm
Rev. Võ Ngọc Thiến Ân

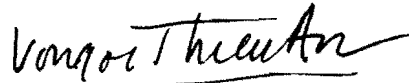
Ngày 19 tháng 3, 1990

Kính gửi Bà Khúc Minh Thở
P.O. Box 5435,
Arlington, Va 22205-0635

Thưa Bà,

Tôi rất hân hạnh được tiếp xúc với Bà qua điện thoại. Rất tiếc các Mục sư mà ông R. L. Funseth muốn gặp đều đi vắng hôm ấy nên việc sắp xếp để các Mục sư vừa được sang Mỹ cơ dịp tiện cảm ơn ông R. L. Funseth không thành. Mục sư Nguyễn Xuân Đức sẽ tổ chức vào một dịp tiện khác trong tháng năm này. Tôi mong được dịp gặp Bà để đích thân cảm ơn Bà về công khó và tinh thần tận tụy phục vụ của Bà đối với các bạn đồng lao của tôi. Tôi cũng xin gửi đến Bà một vài hồ sơ khác để nhờ Bà giúp đỡ. Xin thành thật cảm ơn Bà.

Nay kính,



Mục sư Võ Ngọc Thiến Ân



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

DATE: March 15, 1990

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Re: NGUYỄN THẮNG DI

Date of Birth: December 7, 1935

(IV #) Wed. IV # and LOI

Length of Time in Re-education Camp 7 years

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.